

Số: 2455 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới;

Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 940/TTr-SNV ngày 25 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh;
- Thuế tỉnh, Thống kê tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Khu vực 3;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐ, Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, NC, Hồng.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Việt



**BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2455 /QĐ-UBND ngày 30 /09 /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1538/QĐ-TTg), Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1538/QĐ-TTg, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Tạo chuyển biến rõ nét trong nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập của người dân; ưu tiên lao động nông thôn, lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thanh niên, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm lao động yếu thế.

c) Gắn phát triển nguồn nhân lực với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh về nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, kinh tế cửa khẩu; mở rộng cơ hội việc làm tại chỗ, việc làm ngoài tỉnh và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

d) Nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, kỹ năng nghề và kỹ năng của người lao động; từng bước hình thành lực lượng lao động có kỹ năng, kỷ luật, tác phong công nghiệp, khả năng thích ứng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và yêu cầu của thị trường lao động.

đ) Tăng cường kết nối giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người lao động; nâng cao hiệu quả thông tin, dự báo thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm và kết nối cung - cầu lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các nhiệm vụ, giải pháp và phân công tại Quyết định số 1538/QĐ-TTg; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Sơn La và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị.

b) Phân công nhiệm vụ theo phương châm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền”; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm đầu ra và thời gian hoàn thành.

c) Tổ chức thực hiện đồng bộ giữa cấp tỉnh và cấp xã; phát huy vai trò của chính quyền cơ sở trong rà soát nhu cầu việc làm, nhu cầu đào tạo, tuyên truyền chính sách, kết nối người lao động với doanh nghiệp và các chương trình tạo việc làm.

d) Lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ việc làm, giảm nghèo, đào tạo nghề, phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn lực hợp pháp khác; tránh trùng lặp, chồng chéo.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; lấy kết quả tạo việc làm, thu nhập, chất lượng việc làm, tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo và mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp làm một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả thực hiện.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

1. Tạo việc làm bền vững ở đô thị gắn với mô hình tăng trưởng mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sống

a) Phát triển cầu lao động tại khu vực đô thị thông qua thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, công nghiệp chế biến, chế tạo, thương mại, dịch vụ, kinh tế số, kinh tế xanh và các ngành, lĩnh vực có khả năng tạo việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động và giá trị gia tăng.

b) Thu hút, ưu tiên các dự án đầu tư tạo việc làm có năng suất, giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, có hoạt động chuyển giao công nghệ, đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người lao động; hạn chế các dự án sử dụng nhiều lao động giản đơn, hiệu quả thấp.

c) Rà soát, đánh giá, dự báo nhu cầu nhân lực tại các khu, cụm công nghiệp, dự án đầu tư, công trình trọng điểm và các lĩnh vực kinh tế có nhu cầu sử dụng nhiều lao động; chủ động xây dựng phương án đào tạo, kết nối, điều tiết và thu hút lao động phù hợp.

d) Phát triển khu vực việc làm chính thức; khuyến khích hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển đổi, mở rộng hoạt động theo hướng chính thức; nâng cao khả năng tiếp cận hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội và các chính sách an sinh xã hội của người lao động.

đ) Gắn tạo việc làm với nâng cao chất lượng sống của người lao động; quan tâm phát triển nhà ở, y tế, giáo dục, giao thông, thiết chế văn hóa và các dịch vụ thiết yếu tại khu vực tập trung đông người lao động.

e) Nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm, tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với lao động đô thị, nhất là lao động phi chính thức, lao động mất việc làm hoặc có nguy cơ mất việc làm.

2. Tạo việc làm bền vững ở nông thôn gắn với nâng cao giá trị lao động, thúc đẩy chuyển dịch lao động có kỹ năng và bảo đảm sinh kế bền vững

a) Chú trọng tạo việc làm tại chỗ, nâng cao giá trị lao động trong nông nghiệp; chuyển mạnh từ sản xuất nhỏ, phân tán, giá trị gia tăng thấp sang phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, gắn với chế biến sâu, logistics, thương mại điện tử, phát triển vùng nguyên liệu, kinh tế hợp tác, hợp tác xã và chuỗi giá trị.

b) Phát triển công nghiệp nông thôn, ngành nghề nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông, lâm sản, dịch vụ, thương mại, du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng và các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP phù hợp với điều kiện từng địa bàn.

c) Phát triển các mô hình liên kết giữa người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu và cơ sở đào tạo; gắn sản xuất với thị trường, tiêu thụ sản phẩm và tạo thu nhập bền vững cho người lao động; nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số và tiếp cận thị trường cho hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp nông nghiệp.

d) Đổi mới đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn với nhu cầu thị trường, việc làm và sinh kế; ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; lựa chọn nội dung, phương thức đào tạo phù hợp với từng nhóm lao động và từng địa bàn.

đ) Xây dựng lộ trình chuyển dịch lao động nông thôn phù hợp; mở rộng cơ hội chuyển sang làm việc trong nông nghiệp hiện đại, công nghiệp, dịch vụ tại chỗ, tham gia chuỗi giá trị, làm việc tại các địa phương khác hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

e) Trang bị cho lao động nông thôn kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỷ luật lao động, kiến thức pháp luật và khả năng tiếp cận bảo hiểm, tín dụng, thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm; khuyến khích phát triển đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, nông dân số và lao động kỹ thuật có chất lượng.

3. Tạo việc làm bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với khơi dậy nội lực, giảm nghèo bền vững và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

a) Đổi mới công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề và phát triển kỹ năng theo hướng gắn với sinh kế, điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất và nhu cầu thị trường của từng vùng, từng dân tộc, từng cộng đồng; nâng cao hiệu quả đào tạo gắn với kết quả tạo việc làm, tiêu thụ sản phẩm và cải thiện thu nhập.

b) Tập trung phát triển các ngành, nghề có tiềm năng và phù hợp với điều kiện của tỉnh như nông nghiệp đặc sản, kinh tế rừng, dược liệu, chăn nuôi, thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng, dịch vụ, thương mại, kinh tế cửa khẩu và các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

c) Mở rộng kết nối thị trường và dịch vụ việc làm; hỗ trợ người lao động tiếp cận hạ tầng, tín dụng, thông tin, đào tạo, tư vấn pháp luật, kỹ thuật sản xuất, xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

d) Thúc đẩy tạo việc làm an toàn, ổn định tại chỗ; đồng thời hỗ trợ người lao động có nhu cầu đi làm việc tại các khu công nghiệp, địa phương khác hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

đ) Phòng ngừa, hạn chế tình trạng di cư tự do, lao động bấp bênh, bị lạm dụng, lừa đảo hoặc không tiếp cận được các chính sách việc làm, đào tạo, bảo hiểm và an sinh xã hội.

e) Gắn tạo việc làm với giảm nghèo bền vững, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm quốc phòng, an ninh và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4. Đổi mới đào tạo nguồn nhân lực gắn với xây dựng hệ thống phát triển kỹ năng, chuyển từ đáp ứng nhu cầu trước mắt sang chuẩn bị năng lực cạnh tranh dài hạn

a) Đổi mới mạnh mẽ công tác phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp và đào tạo theo hướng ứng dụng, thực hành, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thị trường lao động và doanh nghiệp; tăng cường liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

b) Nâng cao chất lượng, vị thế của giáo dục nghề nghiệp; phát triển đội ngũ lao động kỹ thuật có kỹ năng, tay nghề, kỷ luật và tác phong công nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

c) Nghiên cứu, triển khai các mô hình đào tạo kết hợp giữa cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; tăng cường đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, hướng dẫn, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng người học sau đào tạo.

d) Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu và đặt hàng của doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực và địa phương; gắn công tác đào tạo với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nhân lực thực tế.

đ) Tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp; phát huy vai trò của doanh nghiệp

trong xây dựng chương trình, tổ chức thực hành, đánh giá chất lượng và tuyển dụng lao động.

e) Tăng cường đánh giá, công nhận kỹ năng nghề, kết quả học tập và kinh nghiệm làm việc; từng bước hình thành hồ sơ kỹ năng của người lao động, tạo điều kiện tích lũy, cập nhật và chuyển đổi kỹ năng trong quá trình làm việc.

g) Phát triển mạnh đào tạo lại, đào tạo nâng cao và học tập suốt đời; hỗ trợ người lao động thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và sự thay đổi của thị trường lao động.

h) Xác định nhu cầu và nội dung đào tạo theo từng ngành, nghề, trình độ; ưu tiên các lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh như công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ số, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, du lịch, dịch vụ hiện đại và các nghề phục vụ sinh kế tại chỗ.

i) Từng bước đổi mới cơ chế phân bổ và sử dụng nguồn lực cho đào tạo theo hướng gắn với kết quả việc làm, thu nhập sau đào tạo, mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và hiệu quả sử dụng lao động.

5. Mở rộng các kênh tạo việc làm, nâng cao kỹ năng của người lao động và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

a) Nâng cao hiệu quả đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; ưu tiên phát triển các thị trường, ngành nghề có thu nhập, điều kiện làm việc và yêu cầu kỹ năng cao; tăng cường quản lý, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

b) Tăng cường kết nối người lao động sau khi hoàn thành hợp đồng ở nước ngoài trở về với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, chương trình khởi nghiệp; phát huy kỹ năng, kinh nghiệm, ngoại ngữ, vốn và tác phong lao động tích lũy được ở nước ngoài.

c) Tăng cường thu hút, sử dụng và phát huy hiệu quả chuyên gia, lao động kỹ thuật cao, nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; gắn thu hút nhân lực với chuyển giao công nghệ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ.

d) Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động; tăng cường kết nối, chia sẻ, đối soát và khai thác dữ liệu về người lao động, việc làm, doanh nghiệp, giáo dục, đào tạo và các thông tin có liên quan.

đ) Rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng nguồn lao động theo ngành, nghề, trình độ và địa bàn; từng bước xác định nhu cầu, tình trạng thiếu hụt lao động và kỹ năng, nhất là tại khu vực đô thị, nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

e) Nâng cao năng lực thu thập, phân tích, đánh giá và dự báo nhu cầu nhân lực, kỹ năng nghề theo ngành, lĩnh vực và địa bàn; cung cấp thông tin phục vụ hoạch định chính sách, đào tạo và điều tiết thị trường lao động.

g) Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm; mở rộng tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; tăng cường tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động.

h) Xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí, chỉ số theo dõi, đánh giá chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững, đào tạo, thu nhập, bảo hiểm xã hội và mức độ đáp ứng nhu cầu của người lao động, doanh nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

i) Chủ động rà soát, đề xuất và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, chính sách phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững, đào tạo nghề và phát triển kỹ năng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách nhà nước hàng năm và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các khoản viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung cụ thể được giao tại Kế hoạch này và Phụ lục kèm theo, khẩn trương xây dựng, ban hành kế hoạch, chương trình hoặc lồng ghép các nhiệm vụ cụ thể vào chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện; bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các Nghị quyết, Chỉ thị, kết luận của Trung ương, Thông báo số 123-TB/VPTW, Quyết định số 1538/QĐ-TTg, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030 và các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ tại Kế hoạch này và Phụ lục kèm theo chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện; chủ động giải quyết các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

b) Chủ động rà soát, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, địa bàn; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

c) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững, đào tạo

nghề, phát triển kỹ năng và kết nối cung - cầu lao động; kịp thời trao đổi, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

d) Chủ động rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, kế hoạch và chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, đào tạo nghề, việc làm, phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động, chuyển đổi số và các lĩnh vực có liên quan; bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời phát hiện những khó khăn, bất cập, đề xuất giải pháp xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Sở Nội vụ

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền.

b) Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định; kịp thời tham mưu đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

c) Tham mưu tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ về giáo dục, hướng nghiệp, phân luồng, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao và phát triển kỹ năng; tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì triển khai Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026- 2030; định kỳ rà soát nhu cầu đào tạo theo ngành hàng, vùng nguyên liệu, doanh nghiệp, hợp tác xã và địa bàn, bảo đảm đào tạo gắn với nhu cầu sản xuất, thị trường, việc làm và nâng cao thu nhập sau đào tạo.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ về tạo việc làm, đào tạo nghề, phát triển kỹ năng và sinh kế bền vững cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; lồng ghép với các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, dự toán của các cơ quan, đơn vị lập gửi, Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị triển khai nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

7. Công an tỉnh

a) Phối hợp quản lý cư trú, quản lý lao động, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ phát triển thị trường lao động theo quy định.

b) Chủ trì triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi môi giới việc làm trái pháp luật, lừa đảo tuyển dụng, mua bán người, các hành vi lợi dụng hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để vi phạm pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lao động.

c) Phối hợp tuyên truyền, cảnh báo phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật trong tuyển dụng, việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

8. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách về tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và các chương trình tín dụng chính sách khác theo quy định; ưu tiên các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh có khả năng tạo việc làm bền vững, tại chỗ cho nhiều lao động, góp phần phát triển kinh tế địa phương; tạo điều kiện cho người lao động, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp cận vốn để phát triển sản xuất, sinh kế, khởi nghiệp, tự tạo việc làm, nhất là tại khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ, các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn người lao động, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách; góp phần tạo việc làm bền vững, phát triển sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân.

9. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (BHXH, BHTN); triển khai các giải pháp cụ thể, khả thi nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 403/NQ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; góp phần mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, thực hiện mục tiêu việc làm bền vững trên địa bàn tỉnh.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số; phối hợp chia sẻ, cập nhật dữ liệu về người tham gia BHXH, BHTN phục vụ quản lý, dự báo thị trường lao động và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành pháp luật về BHXH theo quy định.

10. Thuế tỉnh

a) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký, kê khai và chấp hành pháp luật về thuế; tạo điều kiện để hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác cung cấp, khai thác, đối chiếu thông tin, dữ liệu về tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh và tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh phục vụ công tác quản lý thuế, quản lý người nộp thuế, thực hiện chính sách pháp luật về thuế theo quy định.

11. Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh; Trung tâm Thông tin tỉnh

a) Tăng cường thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo việc làm bền vững và đào tạo nguồn nhân lực.

b) Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự phù hợp; tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả, gương điển hình trong đào tạo, giải quyết việc làm, nâng cao năng suất lao động, chuyển đổi nghề nghiệp và phát triển sinh kế bền vững.

c) Phối hợp cung cấp thông tin chính thống về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng, học nghề và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; góp phần nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và xã hội.

12. Thống kê tỉnh

a) Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp, chia sẻ số liệu thống kê thuộc phạm vi quản lý về dân số, lực lượng lao động, việc làm, thất nghiệp, thu nhập, năng suất lao động và các chỉ tiêu có liên quan theo quy định, phục vụ theo dõi, đánh giá chất lượng nguồn lao động và kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Phối hợp rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu phục vụ triển khai bộ chỉ số giám sát hằng năm về chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững, đào tạo, thu nhập và các chỉ tiêu có liên quan; cung cấp thông tin phục vụ phân tích, dự báo thị trường lao động và xây dựng, cập nhật bản đồ thiếu hụt lao động, kỹ năng của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

13. Đề nghị Trường Đại học Tây Bắc, các Trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh

a) Chủ động rà soát, điều chỉnh ngành, nghề, chương trình và quy mô đào tạo phù hợp với Quy hoạch tỉnh, dự báo nhu cầu nhân lực, yêu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp;

b) Tăng cường phối hợp, liên kết với doanh nghiệp trong xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo tại doanh nghiệp, tăng thời lượng thực hành, thực tập, đào tạo theo nhu cầu/đặt hàng; tiếp nhận chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy và đưa giảng viên, người học đến thực hành tại doanh nghiệp.

c) Phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo lại, đào tạo nâng cao, công nhận kết quả học tập và kỹ năng đã tích lũy; tạo điều kiện để người lao động học tập thường xuyên, chuyển đổi nghề nghiệp và thích ứng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

d) Phối hợp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các nhóm nghiên cứu phục vụ ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

đ) Phát huy vai trò trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của vùng; phối hợp hình thành mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.

e) Theo dõi tỷ lệ người học có việc làm, làm đúng chuyên ngành, mức thu nhập sau đào tạo và mức độ hài lòng của doanh nghiệp; định kỳ cung cấp thông tin cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ để phục vụ đánh giá, dự báo.

14. Đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với tạo việc làm, sinh kế và nâng cao thu nhập; hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường và phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Phối hợp hỗ trợ người lao động, nhất là lao động nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và lao động sau khi làm việc ở nước ngoài trở về tham gia hợp tác xã, khởi nghiệp, tự tạo việc làm và phát triển sản xuất, kinh doanh.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia học nghề, nâng cao kỹ năng nghề, phát triển việc làm bền vững.

b) Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng môi trường lao động an toàn, hài hòa, ổn định tại doanh nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tăng cường đối thoại, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

c) Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, hỗ trợ an sinh xã hội, nhà ở, chăm sóc sức khỏe, an toàn thực phẩm, nâng cao đời sống văn hóa cho người lao động, nhất là lao động có hoàn cảnh khó khăn.

16. Hội Doanh nghiệp tỉnh

a) Phát huy vai trò cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc xác định nhu cầu nhân lực; tham gia góp ý xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp; tiếp nhận người học thực hành, thực tập và tuyển dụng lao động.

b) Khuyến khích hội viên tăng cường đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động; đẩy mạnh đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

c) Phối hợp tuyên truyền, vận động doanh nghiệp hội viên thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động và các quy định pháp luật có liên quan; tích cực tham gia các chương trình phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm bền vững của tỉnh.

17. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; lồng ghép các nhiệm vụ về tạo việc làm, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực và chuyển dịch lao động vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Chủ động rà soát, nắm bắt nhu cầu việc làm, học nghề, chuyển đổi nghề, nhu cầu tuyển dụng và nhu cầu đi làm việc ngoài tỉnh, đi làm việc ở nước ngoài của người lao động trên địa bàn; tăng cường tuyên truyền, tư vấn và kết nối người lao động với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và tổ chức dịch vụ việc làm.

c) Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển việc làm tại chỗ, sinh kế bền vững; quan tâm hỗ trợ lao động nông thôn, lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thanh niên và các nhóm lao động có nhu cầu chuyển đổi việc làm.

d) Phối hợp thực hiện công tác thu thập, cập nhật, cung cấp thông tin về lao động, việc làm, đào tạo và nhu cầu nhân lực, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác quản lý và phát triển thị trường lao động của tỉnh.

18. Chế độ thông tin, báo cáo

a) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao về Sở Nội vụ để tổng hợp.

b) Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo yêu cầu tại Quyết định số 1538/QĐ-TTg.

c) Trường hợp có yêu cầu báo cáo đột xuất hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền hoặc cần sửa đổi, bổ sung nội dung Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Stt	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm, kết quả	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW và Quyết định số 1538/QĐ-TTg	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan đơn vị có liên quan		Văn bản chỉ đạo hoặc nội dung quán triệt	Năm 2026
2	Tổ chức triển khai thực hiện Đề án/Chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động hiện đại trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Kế hoạch/văn bản chỉ đạo triển khai của UBND tỉnh	Sau có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào
3	Tổ chức thực hiện bộ chỉ số giám sát về chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững, đào tạo, thu nhập, bảo hiểm xã hội và mức độ hài lòng của người lao động, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Kế hoạch/văn bản chỉ đạo triển khai của UBND tỉnh	Sau có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Nội vụ
4	Rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng nguồn lao động; xây dựng bản đồ thiếu hụt lao động và kỹ năng theo ngành, nghề, vùng và địa phương,	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; các cơ	Báo cáo; Bản đồ việc làm	Sau khi có văn bản hướng dẫn,

Stt	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm, kết quả	Thời gian thực hiện
	trong đó có đô thị, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.		quan, đơn vị, địa phương		chỉ đạo của Bộ Nội vụ
5	Triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên, lao động nông thôn, lao động đô thị phi chính thức và người lao động bị tác động bởi chuyển đổi số, tự động hóa.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện; ban hành, sửa đổi, bổ sung chính sách/ chương trình/ đề án có liên quan	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030
6	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo hàng năm, giữa kỳ và tổng kết	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030
7	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo hàng năm, giữa kỳ và tổng kết	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030

Stt	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm, kết quả	Thời gian thực hiện
8	Triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ tạo việc làm cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện; tham mưu ban hành, sửa đổi, bổ sung chính sách/ chương trình/ đề án có liên quan	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030
9	Đẩy mạnh lồng ghép chính sách việc làm công trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội có liên quan.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện	Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030
10	Rà soát, đề xuất chính sách đặc thù, lồng ghép các nhiệm vụ tạo việc làm bền vững, đào tạo gắn với sinh kế, thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số vào các chương trình, chính sách có liên quan; ưu tiên các ngành, nghề phù hợp với điều kiện từng vùng, dân tộc và cộng đồng như nông nghiệp đặc sản, kinh tế rừng, dược liệu, nghề thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng và sản phẩm địa phương	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất chính sách; văn bản hướng dẫn được ban hành theo thẩm quyền	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030

Stt	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm, kết quả	Thời gian thực hiện
11	Phối hợp xây dựng và công bố danh mục nghề trọng điểm cần đào tạo, đào tạo lại, ưu tiên công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ số, bán dẫn, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, dịch vụ hiện đại và nghề sinh kế tại chỗ; rà soát ngành, nghề và quy mô đào tạo phù hợp với nhu cầu nhân lực trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Danh mục nghề trọng điểm	Sau khi có văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Tổ chức triển khai Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030; hằng năm rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo ngành hàng, vùng nguyên liệu, hợp tác xã, doanh nghiệp và từng địa bàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Kế hoạch đào tạo hằng năm; số lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn được tổ chức; lao động ngành nông nghiệp, nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và cán bộ quản trị hợp tác xã được đào tạo, bồi dưỡng; báo cáo kết quả thực hiện hằng năm	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030

Stt	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm, kết quả	Thời gian thực hiện
13	Phối hợp rà soát, tham mưu đề xuất hoàn thiện chính sách về bảo hiểm xã hội, hợp đồng lao động, tiền lương nhằm khuyến khích doanh nghiệp tạo việc làm	Sở Nội vụ	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo rà soát; đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, văn bản có liên quan	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030
14	Phối hợp, rà soát, đề xuất nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh, sở sở sản xuất, doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển sang khu vực chính thức theo yêu cầu của Bộ Tài chính (nếu có)	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo; đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách; văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030
15	Nâng cao hiệu quả đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; ưu tiên thị trường, ngành nghề có thu nhập, điều kiện làm việc và yêu cầu kỹ năng cao; tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo; văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai được ban hành theo thẩm quyền	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030
16	Rà soát, thực hiện cơ chế thu hút, sử dụng và trọng dụng chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài, nhân tài và lao động kỹ thuật cao; gắn thu hút chuyên gia với chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực trong nước.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo; văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai được ban	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030

Stt	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm, kết quả	Thời gian thực hiện
				hành theo thẩm quyền	
17	Rà soát nhu cầu nhân lực, tình hình thiếu hụt lao động tại khu công nghiệp, công ty, doanh nghiệp, dự án lớn và công trình trọng điểm; xây dựng phương án đào tạo, kết nối, điều tiết và thu hút lao động phù hợp.	UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị	Báo cáo kết quả thực hiện	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030
18	Theo dõi, đôn đốc và định kỳ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Kế hoạch này	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ hằng năm và đột xuất theo yêu cầu